

Số: 458 /QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung
trong Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học
hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD
ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTTĐHYD ngày 14/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 901/QĐ-ĐHYD ngày 12/5/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế về công tác người học tại trường Đại học Y Dược;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng chỉnh sửa Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện cho người học ngày 13/3/2025 của trường Đại học Y Dược;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý người học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 phần điểm trừ như sau:

“Nghỉ học không lý do, bỏ sinh hoạt lớp: trừ 5 điểm”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

“Chấp hành tốt và đầy đủ mọi quy, quy chế, quy định của Nhà trường: Quy chế học sinh, sinh viên; Quy chế học vụ; Quy tắc ứng xử của Nhà trường; thực hiện tốt các quy định nội/ngoại trú....15 điểm”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ năm phần điểm trừ như sau:

“- Kỷ luật mức cảnh cáo: trừ 15 điểm và kết quả rèn luyện của người học không vượt quá loại trung bình.

- Nộp chậm các loại phí và các vi phạm khác (nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường...): trừ 5 điểm”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 7 phần điểm trừ như sau:

“Điểm trừ Điều 7: Vi phạm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: trừ 15 điểm”.

4. Bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Bổ sung khoản 1 như sau:

“Chưa có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 0 điểm”.

b) Bổ sung khoản 2 như sau:

“Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/tổ chức khác chưa tốt: 0 điểm”.

c) Bổ sung khoản 3 như sau:

“Chưa tích cực: 0 điểm”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“Người học bị kỷ luật mức khiển trách kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá tại học kỳ đánh giá”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“Người học bị kỷ luật mức cảnh cáo kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình tại học kỳ đánh giá”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 của Điều 11 như sau:

“Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 7 ngày (qua hệ thống cố vấn học tập, qua website của phòng Quản lý người học/FB phòng Quản lý người học) trước khi ban hành quyết định chính thức.

Phòng thanh tra và quản lý chất lượng giáo dục: Thông tin người học vi phạm quy chế học tập, thi cử, người học không tham gia các hoạt động khảo sát của Nhà trường.

7. Sửa đổi tên gọi một số đơn vị của Điều 11, Điều 12, Điều 16 như sau:

a) “Phòng Công tác HSSV” thành “Phòng Quản lý người học”.

b) “Phòng Đào tạo” thành “Phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ”.

c) “Phòng TTKT&ĐBCLGD” thành “Phòng Thanh tra và quản lý chất lượng giáo dục”.

d) “Phòng Kế hoạch - Tài chính” thành “Phòng Tài chính - Cơ sở vật chất”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Người học có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện của Trường đối với cá nhân bằng cách gửi đơn đến Hội đồng cấp trường thông qua phòng Quản lý người học trong vòng 7 ngày kể từ ngày Nhà trường công bố kết quả qua hệ thống cố vấn học tập, qua

website phòng quản lý người học/FB phòng Quản lý người học (quá thời hạn nói trên cá nhân người học phải tự chịu trách nhiệm)”.

Điều 2. Hủy bỏ một số nội dung trong Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Ban hành kèm theo Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Y - Dược như sau:

1. Hủy bỏ phần Điểm thưởng tại khoản 4 của Điều 4.
2. Hủy bỏ gạch đầu dòng thứ 3, thứ 4 và phần ghi chú tại khoản 4 của Điều 5.
3. Hủy bỏ gạch đầu dòng thứ 2, phần điểm trừ khoản 3 của Điều 6.
4. Hủy bỏ ý thứ nhất phần điểm trừ khoản 3 của Điều 7.

Điều 3. Sửa đổi mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện kèm theo Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Y - Dược như sau:

(có mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện kèm theo)

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các ông (bà) trưởng phòng Quản lý người học, các phòng chức năng, các khoa/bộ môn, các cố vấn học tập, các lớp sinh viên hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 5 (để thực hiện);
- Phòng ĐT, KH&CN (đăng website);
- Lưu VT, phòng QLNH, MC.



PGS.TS. Trần Văn Tuấn

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Học kỳ: Năm học:

Họ tên SV: Lớp:

Mã số sinh viên: Ngày đánh giá:

| Nội dung đánh giá | Điểm tối đa | Điểm trừ | SV tự đánh giá | Lớp đánh giá |
|--|-------------|----------|----------------|--------------|
| I. Đánh giá về ý thức tham gia học tập | 20 | | | |
| 1. Có ý thức và thái độ học tập tốt: Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học, chuẩn bị làm bài tập đầy đủ. <i>Điểm trừ mục 1 (tổng điểm trừ không quá 8 điểm):</i> - Nghỉ học không lý do, bỏ sinh hoạt lớp,: trừ 5 điểm. - Vào học muộn, mất trật tự, làm việc riêng, không nghiêm túc trong giờ học, sử dụng điện thoại trong giờ học, không chuẩn bị bài: trừ 1 điểm/lần. | 8 | | | |
| 2. Tham gia câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa (chủ đề về học tập), hoạt động NCKH: - Tham gia thảo luận chủ đề học tập trong buổi sinh hoạt lớp: 1 điểm - Tham gia: tập huấn/hội thảo, NCKH, nói chuyện chuyên đề, câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa (chủ đề học tập): 2 điểm | 2 | | | |
| 3. Ý thức và thái độ tham gia các cuộc thi, kỳ thi: Thực hiện tốt quy chế kiểm tra/thi | 2 | | | |
| 4. Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: - SV có điểm TBCHK xếp loại khá trở lên: 2 điểm; - SV có điểm TBCHK xếp loại TB: 1 điểm; - SV có điểm TBCHK xếp loại yếu/kém: 0 điểm | 2 | | | |
| 5. Kết quả học tập: <i>Loại yếu, kém (dưới 1,99) : 0 điểm</i> <i>Loại trung bình (2,00 – 2,49) : 3 điểm</i> <i>Loại khá (2,50 – 3,19) : 4 điểm</i> <i>Loại giỏi (3,20 – 3,59) : 5 điểm</i> <i>Loại xuất sắc (3,60 – 4,00) : 6 điểm</i> | 6 | | | |
| II. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường | 25 | | | |
| 1. Chấp hành tốt và đầy đủ nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường: Quy chế HSSV, Quy chế học vụ, Quy tắc ứng xử của Nhà trường, thực hiện tốt các quy định nội/ngoại trú,... | 15 | | | |
| 2. Thực hiện tốt quy định gửi xe và để xe đúng nơi quy định | 5 | | | |



| | | | | |
|---|-----------|--|--|--|
| 3. Đóng học phí, BHYT và lệ phí khác theo quy định đầy đủ và đúng thời hạn. | 5 | | | |
| <i>Điểm trừ mục II (tổng điểm trừ không quá 25 điểm):</i> - <i>Kỷ luật mức cảnh cáo: trừ 15 điểm và KQ rèn luyện của người học không vượt quá loại trung bình;</i> - <i>Kỷ luật mức khiển trách: trừ 10 điểm và KQ rèn luyện của người học không vượt quá loại khá;</i> - <i>Nộp chậm các loại phí và các vi phạm khác (nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường, ...): trừ 5 điểm.</i> | | | | |
| III. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội | 20 | | | |
| 1. Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao | 15 | | | |
| 2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội (<i>chấm theo quy đổi hoạt động của Đoàn TN/Hội SV</i>) | | | | |
| 3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: SV có tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong lớp, gia đình, nơi cư trú và cộng đồng. | 5 | | | |
| <i>Điểm trừ mục III (tổng điểm trừ không quá 20 điểm):</i> - <i>Vi phạm các quy định về phòng, chống ma túy, các tệ nạn xã hội: trừ 20 điểm;</i> - <i>Vắng sinh hoạt Chi đoàn/Chi hội hàng tháng không có lý do chính đáng: trừ 2 điểm/lần.</i> | | | | |
| IV. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng | 25 | | | |
| 1. Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng | 15 | | | |
| 2. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng: - <i>Có tham gia các hoạt động xã hội (4 điểm).</i> - <i>Được ghi nhận/biểu dương (lớp-CVHT; chi đoàn/Hội; nơi cư trú): 5 điểm.</i> | 5 | | | |
| 3. Có tinh thần tình nguyện chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn (đóng góp/ủng hộ quỹ từ thiện, giúp đỡ bạn bè có hoàn cảnh khó khăn, ... (CVHT và lớp đánh giá) | 5 | | | |
| <i>Điểm trừ mục IV:</i> <i>Vi phạm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: trừ 15 điểm.</i> | | | | |
| V. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (áp dụng cho BCS, BCH chi đoàn/chi hội SV, Ban chủ nhiệm/Ban chỉ huy các câu lạc bộ, đội tình nguyện ngang cấp CLB) | 10 | | | |
| 1. Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học khi được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường (CLB, đội tình nguyện): - <i>Rất có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 3 điểm</i> | 3 | | | |

| | | | | |
|--|------------|--|--|--|
| - Có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 2 điểm - Chưa có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 0 điểm | | | | |
| 2. Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường (CLB, đội tình nguyện): - Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/tổ chức hoạt động khác rất tốt: 2 điểm - Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/tổ chức hoạt động khác tốt: 1 điểm - Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/tổ chức hoạt động khác chưa tốt: 0 điểm | 2 | | | |
| 3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường: - Rất tích cực: 2 điểm - Tích cực: 1 điểm - Chưa tích cực: 0 điểm | 2 | | | |
| 4. Đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện (có minh chứng): - Được biểu dương cấp Liên chi, cấp Trường: 1 điểm - Được khen thưởng cấp Trường: 2 điểm - Được khen thưởng từ cấp đại học trở lên: 3 điểm | 3 | | | |
| VI. Điểm thưởng (tối đa 10 điểm): Điểm thưởng sẽ được cộng vào tổng điểm sau khi người học tự chấm ở các mục trên (I, II, III, IV, V) 1. Là chủ đề tài NCKH cấp trường hoặc báo cáo KH cấp Đại học trở lên: thưởng 2 điểm 2. Tham gia cuộc thi liên quan đến học tập (không đạt giải): thưởng 1 điểm 3. Tham gia và đạt giải cuộc thi liên quan đến học tập: thưởng 2 điểm. 4. Tham gia các hoạt động xã hội : - Tham gia tình nguyện trong công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm do Nhà trường hoặc địa phương phát động: thưởng 10 điểm. - Tham gia các hoạt động xã hội khác có thành tích được khen thưởng: thưởng 5 điểm. Trường hợp SV có nhiều thành tích thì điểm cộng tối đa không vượt quá 10 điểm | | | |  |
| VII. Tổng điểm (Điểm rèn luyện tối đa của người học/ học kỳ sau khi cộng điểm thưởng không vượt quá 100 điểm) | 100 | | | |
| Xếp loại | | | | |

Sinh viên

Cán bộ lớp

Cố vấn học tập